

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

■ **NGUYỄN VĂN DUY***

Tóm tắt: Pháp luật điều chỉnh lĩnh vực ứng dụng công nghệ vào các sản phẩm tài chính, ngân hàng là vấn đề mới ở Việt Nam. Vì thế, trong những năm qua, Việt Nam đã có chủ trương, yêu cầu hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực này nhằm thiết lập khung pháp lý đầy đủ, hiệu quả, phù hợp với xu thế chung của quốc tế và bối cảnh của Việt Nam trong giai đoạn mới. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề chung về ứng dụng công nghệ tài chính; cách tiếp cận phổ biến trên thế giới và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ứng dụng công nghệ tài chính tại Việt Nam.

Từ khóa: công nghệ tài chính; cơ chế thử nghiệm; pháp luật ngân hàng, tài chính.

Nhận bài: 14/4/2025

Hoàn thành biên tập: 26/6/2025

Duyệt đăng: 04/7/2025

COMPLETING LEGAL REGULATIONS IN THE FIELD OF FINANCIAL TECHNOLOGY APPLICATION IN VIETNAM

Abstract: The law regulating the field of technology application in financial and banking products is a new issue in Vietnam. Therefore, in recent years, Vietnam has had policies and requirements to improve legal regulations in this field in order to establish a complete and effective legal framework, consistent with the general international trend and the context of Vietnam in the new period. This article studies some common issues on the application of financial technology; common approaches in the world and solutions to improve the law on the application of financial technology in Vietnam.

Keywords: Financial technology; testing mechanism; banking and financial law.

Article received: 14/4/2025 Editing completed: 26/6/2025 Approved for publication: 04/7/2025

Đặt vấn đề

Sự phát triển của công nghệ dẫn đến thay đổi mô hình dịch vụ tài chính đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước cũng phải thay đổi để thích ứng với những đổi mới của thị trường như: (i) tác động kinh tế vĩ mô đối với tính

toàn vẹn và ổn định tài chính; (ii) những thách thức do thiếu dữ liệu tin cậy; (iii) ảnh hưởng đến lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng. Việc hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh lĩnh vực công nghệ tài chính (Fintech) cần phải dựa trên đặc trưng truyền thống pháp lý ở mỗi

* Công ty cổ phần Xây dựng Mitsui Việt Nam

quốc gia và ưu tiên chính sách của Chính phủ. Nghiên cứu cho thấy, khung pháp lý của Việt Nam điều chỉnh đối với lĩnh vực công nghệ tài chính còn những bất cập, hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới.

1. Một số vấn đề chung về ứng dụng công nghệ tài chính

Trên phạm vi toàn cầu, hiện, ước tính có khoảng 1,7 tỷ người trưởng thành không có quyền truy cập vào công cụ giao dịch sẵn có và bị loại khỏi hệ thống tài chính chính thức¹. Ở Việt Nam, thống kê cho thấy thực trạng tương tự, với hơn 62% dân số đang sống ở khu vực nông thôn còn gặp khó trong việc tiếp cận tín dụng từ các dịch vụ tài chính - ngân hàng chính thống². Công nghệ tài chính ra đời để cải thiện, nâng cao năng lực, chất lượng, cung cấp dịch vụ của các định chế tài chính lớn như ngân hàng nên cần phải được ưu tiên trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các quốc gia.

Tuy nhiên, việc lựa chọn mức độ ưu tiên phát triển công nghệ tài chính cần đặt trong mối liên hệ với các lợi ích xã hội khác có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do tác động của công nghệ tài chính. Bên cạnh cơ hội, công nghệ tài chính cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro ở cả cấp độ vĩ mô - đối với sự ổn định của nền kinh tế và ở cấp độ vi mô - đối với sự an toàn của từng cá nhân trong

xã hội. Điều đó có nghĩa, hiệu quả của chính sách dành cho công nghệ tài chính phải được cân bằng giữa phát triển và phòng ngừa rủi ro.

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) trong “Chương trình nghị sự Fintech Bali”, các quốc gia có 04 mục tiêu chính đối với sự phát triển của công nghệ tài chính, gồm: (i) mục tiêu 1: thúc đẩy môi trường thuận lợi để khai thác cơ hội; (ii) mục tiêu 2: tăng cường khung chính sách khu vực tài chính; (iii) mục tiêu 3: giải quyết các rủi ro tiềm ẩn và cải thiện khả năng chống chịu; (iv) mục tiêu 4: thúc đẩy hợp tác quốc tế³.

Những nguy cơ, ảnh hưởng do việc ứng dụng công nghệ tài chính thường phức tạp, vì nền tảng lĩnh vực tài chính - ngân hàng có nhiều biến động và rủi ro. Vì thế, tùy thuộc loại ứng dụng với từng lĩnh vực và đối tượng khách hàng mà rủi ro có thể xảy ra khác nhau. Việc phân chia ranh giới cho từng nghiệp vụ tài chính, ngân hàng truyền thống đã được thiết lập từ lâu trên cơ sở hệ thống văn bản pháp luật dần bị “xóa nhòa” bởi các ứng dụng công nghệ. Một giải pháp công nghệ có thể ứng dụng cho nhiều hoạt động tài chính, ngân hàng mà không cần quá nhiều thiết lập, tùy chỉnh đối với từng nghiệp vụ riêng lẻ. Mặc dù, thực tế cho thấy, mỗi nghiệp vụ này được điều chỉnh bằng những quy chế pháp lý chặt chẽ khác nhau.

1. World Bank Findex, <https://globalfindex.worldbank.org/>.

2. Nguyễn Hoài (2024), “*Mở thêm cửa tiếp cận tín dụng cho người yếu thế*”, Tạp chí Kinh tế Việt Nam số 5/2024.

3. World Bank Group (2020), “*How Regulators Respond to Fintech: Evaluating the Different Approaches - Sandboxes and Beyond*”, Finance, Competitiveness & Innovation Global Practice, Fintech Note | No. 5.

Từ góc nhìn khác, các ứng dụng công nghệ tài chính đang phá vỡ cấu trúc của chuỗi cung ứng dịch vụ tài chính, ngân hàng truyền thống bằng việc bỏ qua các khâu trung gian truyền thống. Nói cách khác, những định chế tài chính lớn như ngân hàng, công ty chứng khoán là các trung gian trong nền kinh tế bị đe dọa thay thế bởi các công ty công nghệ tài chính. Đồng thời, nguy cơ cấu trúc thị trường bị phá vỡ còn bao trùm các dịch vụ được cung ứng trên cơ sở hợp tác của lĩnh vực khác nhau như tài chính, công nghệ, viễn thông và cơ sở hạ tầng dẫn đến hệ thống pháp luật điều chỉnh vượt ra ngoài phạm vi của pháp luật về tài chính - ngân hàng.

Nếu như từng nghiệp vụ trong hoạt động tài chính, ngân hàng riêng lẻ chỉ phải đáp ứng các điều kiện riêng tương ứng thì sự kết hợp của hai hoạt động này có thể tạo ra những rủi ro mới không đơn thuần được kiểm soát bằng cách áp dụng cộng gộp các quy định ban đầu mà phải xây dựng các quy định pháp luật tiếp cận theo yêu cầu phòng ngừa, hạn chế đối với các rủi ro từ ứng dụng công nghệ tài chính. Theo đó, rủi ro từ ứng dụng công nghệ tài chính được nhận diện gồm:

Thứ nhất, xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng: hoạt động tài chính - ngân hàng luôn tiềm ẩn nguy cơ gian lận, trộm cắp, thiếu minh bạch và tiết lộ thông tin cá nhân. Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam hiện còn những hạn chế nhất định khi mới chỉ quy định một số nguyên tắc chung trong cung ứng dịch vụ,

mà chưa có hướng dẫn cụ thể áp dụng đối với dịch vụ tài chính, ngân hàng⁴. Bên cạnh đó, nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương chưa có kỹ năng, kinh nghiệm sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính kỹ thuật số một cách phù hợp.

Thứ hai, rủi ro quản trị: do chưa có quy định điều chỉnh riêng đối với doanh nghiệp công nghệ tài chính, các điều kiện gia nhập thị trường nghiêm ngặt trong ngành tài chính - ngân hàng không áp dụng với các doanh nghiệp công nghệ tài chính, tạo ra sự không công bằng giữa hai nhóm doanh nghiệp. Năng lực quản trị trong lĩnh vực tài chính không được kiểm soát từ giai đoạn đầu tiên và có thể tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của các doanh nghiệp công nghệ tài chính là rủi ro lớn với tất cả những người tham gia. Quản trị dòng tiền trong kinh doanh tiền tệ và các sản phẩm tài chính đòi hỏi kiến thức cao hơn nhiều so với quản trị thông thường.

Thứ ba, rủi ro từ môi trường mạng internet: trong môi trường sản phẩm công nghệ tài chính, các thực thể kết nối với nhau trong một cơ chế mở, kể cả các hoạt động ngân hàng, tài chính truyền thống vốn được vận hành bởi các tổ chức lớn mạnh, khi ứng dụng các tiện ích của công nghệ cũng có khả năng bị tấn công bởi tội phạm mạng.

Thứ tư, các rủi ro liên quan đến tính minh bạch, quyền riêng tư và quyền sở hữu dữ liệu: trong môi trường kỹ thuật số, dữ liệu của khách hàng gồm các thông tin cá nhân và thông tin

4. Chương II “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng” và Chương III “Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng trong giao dịch đặc thù” Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 chỉ quy định những trách nhiệm chung của tổ chức, cá nhân kinh doanh, chưa quy định trách nhiệm cụ thể đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

giao dịch được lưu trữ trên môi trường mạng. Hầu hết, thông tin giao dịch liên quan đến các khoản tiền tiết kiệm hoặc đầu tư của công chúng chỉ phụ thuộc vào lời cam kết đến từ nhà cung cấp nên nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, quyền sở hữu đối với dữ liệu của khách hàng là rất lớn.

Thứ năm, nguy cơ bị lợi dụng bởi các hành vi rửa tiền, tài trợ cho khủng bố: thực tế cho thấy, các công ty công nghệ tài chính thường không nỗ lực áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ cho khủng bố nếu không bắt buộc phải làm. Một số ứng dụng công nghệ tài chính còn được đặc trưng bởi tính phi tập trung và ẩn danh, hạn chế khả năng truy xuất nguồn gốc. Do đó, các ứng dụng công nghệ tài chính có thể bị lợi dụng để che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp hoặc điếm đến của dòng tiền nằm trong danh sách cấm.

Thứ sáu, rủi ro từ nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ thị trường: với quy mô khổng lồ của các dữ liệu được lưu trữ và xử lý, một ứng dụng công nghệ tài chính có thể vận hành trên nền tảng được cung ứng bởi bên thứ ba, như điện toán đám mây. Tuy nhiên, nếu quy mô thị trường quá lớn, với nhiều tổ chức hoặc thị trường bị phụ thuộc vào số ít nhà cung cấp dịch vụ nền tảng làm gia tăng rủi ro cho cả hệ thống thị trường tài chính.

Thứ bảy, xung đột lợi ích có thể diễn ra trong nội tại các hoạt động của công ty công nghệ tài chính hoặc mạng lưới các công ty

công nghệ tài chính. Một phân tích thị trường tiêu cực có thể ngăn chặn công ty công nghệ tài chính cung ứng dịch vụ tài chính nếu dẫn đến các dự báo lỗ trong mảng kinh doanh khác. Điều này trở nên đặc biệt nhạy cảm trong lĩnh vực chứng khoán.

Thứ tám, rủi ro do thiếu sự phối hợp đồng bộ trong quản lý nhà nước: ứng dụng công nghệ tài chính thường có liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều bộ, ban, ngành và cơ quan khác nhau, dẫn đến việc quản lý, giám sát có thể bị chồng chéo hoặc phân mảnh. Vì thế, nếu không có sự phối hợp đồng bộ, các khung chính sách có thể trở nên rời rạc, thiết kế không phù hợp hoặc dẫn đến lỗ hổng chính sách... cản trở sự phát triển, phổ biến, đổi mới sáng tạo và hạn chế các nỗ lực thúc đẩy sự ổn định, hòa nhập.

2. Cách tiếp cận nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về ứng dụng công nghệ tài chính

Nghiên cứu thực nghiệm của Ngân hàng Thế giới cho thấy, có bốn cách tiếp cận cơ bản cho lĩnh vực công nghệ tài chính, gồm: (i) quan sát và chờ đợi (wait & see); (ii) thử nghiệm và học hỏi (test & learn); (iii) hỗ trợ đổi mới (gồm cả Sandbox); (iv) cải cách quy định pháp luật⁵. Các phương pháp tiếp cận có thể được áp dụng kết hợp hoặc riêng rẽ và không loại trừ lẫn nhau, ngay cả đối với trường hợp áp dụng nhiều cách tiếp cận đối với một ứng dụng công nghệ tài chính.

2.1. Quan sát và chờ đợi

Cách tiếp cận này tương ứng với chức năng

5. World Bank Group (2020), How Regulators Respond to Fintech Evaluating the Different Approaches-Sandboxes and Beyond, Finance, Competitiveness & Innovation Global Practice Fintech Note | No. 5, The World Bank, 1818 H Street NW, Washington, tr. 9.

giám sát xu hướng đổi mới trước khi các cơ quan quản lý thực hiện những can thiệp cần thiết khi có nhu cầu hiểu rõ hơn về một công nghệ và ứng dụng công nghệ trong thị trường tài chính hoặc chưa hiểu rõ về sự cần thiết phải ban hành quy định mới. Thậm chí, cơ quan quản lý “không làm gì cả” cũng có thể là phản ứng cần thiết để hỗ trợ sự phát triển của công nghệ tài chính. Cách tiếp cận này phù hợp khi các cơ quan quản lý chủ động nắm bắt được sự đổi mới và chính sách có thể thay đổi dần theo thời gian.

Cơ quan nhà nước cần chủ động đưa ra giải pháp ứng phó để giảm thiểu rủi ro cho lĩnh vực tài chính. Nói cách khác, “quan sát và chờ đợi” dùng để chỉ hành động của cơ quan quản lý gồm việc giám sát thường xuyên hoạt động của các chủ thể trên thị trường, đồng thời chủ động nghiên cứu, nâng cao sự hiểu biết để nắm bắt các yếu tố rủi ro và kiểm soát rủi ro của các hoạt động đó.

2.2. Thử nghiệm và học hỏi

Cách tiếp cận này liên quan đến việc tạo ra một khuôn khổ tùy chỉnh cho từng trường hợp kinh doanh riêng lẻ, cho phép kiểm chứng trong môi trường thực tế. Phương pháp “thử nghiệm và học hỏi” hàm ý cách phản ứng nhanh chóng, cho phép các chương trình thử nghiệm công nghệ mới được cấp giấy phép hạn chế hoặc miễn trừ một phần nghĩa vụ tuân thủ so với doanh nghiệp thông thường. Cách tiếp cận này giúp cơ quan quản lý cơ hội quan sát, hiểu các rủi ro và cách thị trường đang phát triển trong một thời hạn nhất định để ban hành quy định

pháp luật hạn chế được rủi ro mà sản phẩm, quy trình hoặc ứng dụng đổi mới gây ra. Trong mô hình này, thị trường điều khiển nhu cầu nội sinh để cải thiện và thích ứng hơn nữa với khuôn khổ pháp lý.

Phương pháp “thử nghiệm và học hỏi” chỉ phù hợp trong phạm vi thử nghiệm quy mô nhỏ hoặc chuyên môn cao, bởi tính đa dạng và phạm vi rộng trong thử nghiệm có thể hạn chế khả năng kiểm soát của cơ quan quản lý.

Phương pháp “thử nghiệm và học hỏi” đã được ghi nhận tại Philippines vào đầu những năm 2000. Theo đó, các nhà quản lý tuyên bố, cách tiếp cận là theo dõi thị trường; đồng thời, cho phép các tổ chức phi ngân hàng cung cấp dịch vụ tài chính, mở rộng quy mô thông qua các đại lý chuyển tiền được cấp phép. Sau khi quan sát sự phát triển thị trường trong một thời gian kết hợp các bài học từ giai đoạn thử nghiệm, Ngân hàng Trung ương Philippines đã ban hành các quy định về tiền điện tử vào năm 2009 cho thị trường Philippines⁶.

2.3. Hỗ trợ đổi mới

Hỗ trợ đổi mới là sáng kiến cho phép các mô hình kinh doanh mới có cơ hội được tiếp cận với thị trường hoặc nền pháp lý của quốc gia, trong đó, Nhà nước chủ động thiết lập quy chế pháp lý, điều kiện tham gia. Các trường hợp điển hình được triển khai trên thế giới thuộc một trong ba loại: (i) Trung tâm đổi mới sáng tạo (Innovation Hub); (ii) Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox); (iii) Chương trình nghiên cứu lập pháp mở rộng, cụ thể:

- Trung tâm đổi mới sáng tạo: loại hình

6. World Bank Group (2020), *tlđđ*.

trung tâm này có nhiều tên gọi khác nhau, là đầu mối liên hệ dành riêng cho các công ty để đưa ra câu hỏi với cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến công nghệ tài chính, tìm kiếm hướng dẫn không ràng buộc về thị trường và môi trường pháp lý.

- Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: là các chương trình cung cấp môi trường pháp lý đặc biệt, được thiết kế cho phép sự vận hành của các ứng dụng công nghệ tài chính trên thực tế cho khách hàng, nhưng giới hạn về phạm vi dịch vụ, đối tượng khách hàng và không gian địa lý. Thông thường, các công ty đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đã có dịch vụ được phát triển và đang kiểm tra khả năng tồn tại của dịch vụ đó trên thị trường. Việc đánh giá là hai chiều, bên cạnh yêu cầu kiểm nghiệm tính hiệu quả và an toàn của ứng dụng tham gia, cơ quan quản lý cũng đo lường được tính hợp lý của việc áp dụng các quy định hiện hành hay phải thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

- Chương trình nghiên cứu lập pháp mở rộng: chương trình này còn được biết đến với tên gọi Regulatory Accelerators hoặc Regtech Labs, là các chương trình được tổ chức bởi cơ quan quản lý, tạo cơ hội trao đổi với các công ty sáng tạo, giúp họ hiểu nhu cầu của nhà hoạch định chính sách và hỗ trợ nhà hoạch định chính sách hiểu công nghệ mới.

Trong 03 loại hình hỗ trợ đổi mới trên, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được biết đến nhiều hơn, đến năm 2024, hơn 95 cơ quan, tổ chức

có quy mô toàn cầu đã áp dụng mô hình cơ chế thử nghiệm có kiểm soát⁷. Tuy nhiên, sự thành công của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phụ thuộc sự hòa hợp của các yếu tố: (i) mục tiêu của việc thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; (ii) mức độ phát triển của thị trường công nghệ tài chính; (iii) năng lực của cơ quan quản lý. Trên thực tế, hầu hết các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chỉ chấp nhận những công ty có sản phẩm khả thi, cho phép kiểm tra tính phù hợp của mô hình kinh doanh đối với thị trường mà họ muốn hoạt động. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tốn rất nhiều nguồn lực khi thiết lập, giám sát thực hành chi tiết và hướng dẫn riêng cần được đưa ra cho từng công ty riêng lẻ trong quá trình thử nghiệm và bảo đảm tác động đến người tiêu dùng không đáng kể.

2.4. Cải cách quy định pháp luật

Trong trường hợp khung pháp luật hiện hành không đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh đối với công nghệ tài chính, cần sửa đổi hoặc ban hành quy định mới phù hợp để mở rộng phạm vi điều chỉnh, áp dụng các điều kiện mới hoặc cấm đối với từng hoạt động công nghệ tài chính. Việc ban hành một quy định mới trong lĩnh vực công nghệ tài chính đòi hỏi sự phối hợp của các cơ quan quản lý có liên quan do tính chất liên ngành của các hoạt động công nghệ tài chính. Lựa chọn này thường được thực hiện sau khi cơ quan soạn thảo đã có đủ đánh giá cần thiết cho thị trường, sản phẩm và các bên cung cấp dịch vụ như các kết quả từ việc thực hiện các cách tiếp cận khác.

7. Cornelli, G., Doerr, S., Gambacorta, L., & Merrouche, O. (2024), “Regulatory Sandboxes and Fintech Funding: Evidence from the UK”, Review of Finance, 28(1), pp. 203 - 233.

3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về ứng dụng công nghệ tài chính

Ở Việt Nam, Nghị định số 101/2012/NĐ-CP⁸ ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt là văn bản pháp lý đầu tiên trong lĩnh vực công nghệ tài chính tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh chóng của thị trường ví điện tử. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển mạnh mẽ của công nghệ tạo ra khoảng trống pháp lý cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện.

Hiện, thị trường tài chính - ngân hàng và khung pháp luật của Việt Nam về công nghệ tài chính chưa tiệm cận với các tiêu chuẩn được công nhận và áp dụng tại các quốc gia phát triển. Do đó, để hoàn thiện khung pháp luật điều chỉnh, thúc đẩy thị trường công nghệ tài chính phát triển, Việt Nam cần nghiên cứu, lựa chọn phương án tiếp cận phù hợp cho chiến lược dài hạn. Giống như thực tế tại nhiều quốc gia, hoạt động của các công ty công nghệ tài chính ở Việt Nam cũng được xác định là lĩnh vực chịu sự quản lý của nhiều cơ quan khác nhau. Thời gian gần đây, việc đồng bộ hóa dữ liệu dân cư tạo cơ sở cho việc kết nối và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ tài chính bởi một hệ thống uy tín của Nhà nước.

Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thời gian qua cho thấy quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển các ứng dụng công nghệ tài chính. Tuy nhiên, do thị trường công nghệ tài chính đa dạng về

sản phẩm và lĩnh vực, các cơ quan quản lý rất thận trọng trong việc ban hành các cơ chế áp dụng. Đến tháng 4/2025, phạm vi thử nghiệm ứng dụng công nghệ tài chính được thực hiện trong hai khuôn khổ rất hạn chế, gồm: (i) thí điểm thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ bằng tài khoản viễn thông (dưới 10 triệu đồng/tháng) theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, được gia hạn theo Nghị quyết số 192/NQ-CP ngày 18/11/2023 của Chính phủ về việc gia hạn thời gian thực hiện thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ đến hết ngày 31/12/2024; (ii) thử nghiệm mở tài khoản thanh toán có lượng giao dịch nhỏ (dưới 100 triệu/tháng) bằng công nghệ định danh điện tử (e-KYC) theo Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/04/2025 của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng (Nghị định số 94/2025/NĐ-CP), các giải pháp công nghệ tài chính được tham gia cơ chế thử nghiệm gồm: chấm điểm tín dụng; chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API); cho vay ngang hàng.

Cơ sở pháp lý điều chỉnh các lĩnh vực

8. Tính đến năm 2024, đã được sửa đổi bổ sung bởi các Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019.

công nghệ tài chính được Việt Nam xây dựng giới hạn cho từng dịch vụ cụ thể trên thị trường. Vì thế, để công nghệ tài chính được ứng dụng rộng rãi, đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đánh giá thường xuyên về sự xuất hiện và thâm nhập của các ứng dụng công nghệ tài chính trong từng lĩnh vực cụ thể, từ đó, đề xuất cơ quan quản lý ban hành cơ chế thử nghiệm hoặc ban hành quy định pháp luật để điều chỉnh. Đồng thời, cần sớm nghiên cứu để hoàn thiện quy định pháp luật về một số vấn đề như gọi vốn cộng đồng, tài sản ảo, tiền ảo.

Thứ hai, cần có đánh giá cụ thể mức độ rủi ro trên tất cả các khía cạnh đối với từng lĩnh vực và sự phù hợp với từng ứng dụng công nghệ tài chính. Kết quả của đánh giá có ý nghĩa quan trọng trong việc lựa chọn các giới hạn, điều kiện cho các nhà cung cấp dịch vụ.

Quá trình đánh giá rủi ro cần dựa trên việc phân loại các đổi mới công nghệ tài chính theo chức năng kinh tế chính, thay vì chỉ tiếp cận trên danh mục các ứng dụng công nghệ tài chính. Việc phân loại các đổi mới công nghệ tài chính có thể dựa trên hai lĩnh vực chính: dịch vụ ngân hàng cốt lõi; các dịch vụ hỗ trợ khác như điện toán đám mây, phân tích dữ liệu, ứng dụng sổ cái phân tán... Tùy mức độ xử lý dữ liệu liên quan đến giao dịch tài chính, các dịch vụ hỗ trợ cũng có thể phân chia thành các nhóm nhỏ hơn. Tham khảo cách tiếp cận của Bank for International Settlement, mô hình cây

công nghệ tài chính⁹ được giới thiệu để làm nổi bật sự khác biệt trong cách tiếp cận kiểm soát rủi ro đối với từng bộ phận là khác nhau, gồm:

- Các hoạt động công nghệ tài chính: là nhóm sản phẩm dịch vụ ngân hàng như cho vay từ vốn cộng đồng, ngân hàng số, công nghệ bảo hiểm,... được các nhà lập pháp quan tâm trực tiếp nhất. Do đối tượng khách hàng của từng sản phẩm dịch vụ cụ thể nên các rủi ro có thể nhận biết được một cách rõ ràng. Đồng thời, việc quan sát thị trường, giám sát và duy trì kênh kết nối thường xuyên với thị trường có thể giúp cơ quan quản lý xác định cơ chế quản lý phù hợp.

- Các công nghệ hỗ trợ: có mối liên hệ trực tiếp hỗ trợ hình thành các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng như sổ cái tập trung hay điện toán đám mây. Tác động của nhóm công nghệ hỗ trợ nên mức độ rủi ro riêng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng là không rõ ràng. Vì thế, yêu cầu kiểm soát chỉ nên tùy biến theo mức độ rủi ro mà yếu tố công nghệ thâm nhập hoặc gây ra sự phụ thuộc từ các sản phẩm tài chính - ngân hàng.

- Mô hình xác định nền tảng cho công nghệ hỗ trợ và sản phẩm tài chính - ngân hàng: là các chính sách hỗ trợ có vai trò quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của tất cả các yếu tố được hình thành trên nó.

Thứ ba, cần bổ sung mục tiêu thử nghiệm cụ thể cho các sản phẩm công nghệ tài chính đối với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát ở Việt Nam.

9. Johannes Ehrentraud, Denise Garcia Ocampo, Lorena Garzoni, Mateo Piccolo (2020), Policy responses to fintech: a cross-country overview, FSI Insights on policy implementation No 23, January 2020, tr. 7.

Nghị định số 94/2025/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực từ 01/07/2025 với mục tiêu hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hạn chế rủi ro và sử dụng kết quả thử nghiệm cho việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật. Trong số ba hoạt động được phép thử nghiệm, cho vay ngang hàng có nhiều yêu cầu giới hạn khi tham gia với mục đích loại trừ rủi ro, còn các ứng dụng khác được cho phép sáng tạo ở mức độ cao và hầu như không có điều kiện cụ thể kèm theo.

Thứ tư, tăng cường quản lý và hợp tác quốc tế. Các cơ quan quản lý nhà nước khác nhau cần tham gia quản lý và giám sát hoạt động đối với các thực thể thực hiện công nghệ tài chính; đồng thời, thường xuyên duy trì đối thoại với các nhà phát triển, nhà cung cấp và công ty công nghệ tài chính góp phần nâng cao hiểu biết, năng lực của cơ quan quản lý và nhận thức của các công ty về rủi ro cũng như nghĩa vụ pháp lý trong quá trình ứng dụng, triển khai các công nghệ tài chính.

Hợp tác giám sát quốc tế rất quan trọng và cần thiết, nhất là liên quan đến khía cạnh xuyên biên giới của công nghệ tài chính, không chỉ đối với các dịch vụ đã có cơ sở pháp lý cho phép hoạt động, mà còn đối với những dịch vụ còn nhiều quan điểm khác nhau như tiền kỹ thuật số. Đẩy mạnh hợp tác giám sát quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn; thống nhất các tiêu chuẩn để phát triển các giải pháp công nghệ tài chính tương thích giữa các quốc gia.

Kết luận

Hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực

tài chính, ngân hàng có ý nghĩa quan trọng, giúp tiết kiệm thời gian, nguồn lực của cơ quan quản lý, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tuy nhiên, cần phải có cách tiếp cận phù hợp, chặt chẽ và có thứ tự ưu tiên với những lĩnh vực, phương thức, cách thức khác nhau. Đối với Việt Nam, cần nghiên cứu cẩn trọng hướng tiếp cận để các cơ chế thử nghiệm và quy định pháp luật đóng góp vào các mục tiêu phát triển ứng dụng công nghệ tài chính, đồng thời, hài hòa với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Johannes Ehrentraud, Denise Garcia Ocampo, Lorena Garzoni, Mateo Piccolo (2020), *“Policy responses to fintech: a cross-country overview”*, FSI Insights on policy implementation No 23, January 2020.
2. Nguyễn Hoài (2024), *“Mở thêm cửa tiếp cận tín dụng cho người yếu thế”*, Tạp chí Kinh tế Việt Nam, số 50/2024.
3. OECD (2023), *“Regulatory sandboxes in artificial intelligence”*, OECD Digital economy papers, July 2023, No. 356.
4. South China Morning Post (2019), *“China’s P2P lending crisis worsens as second firm runs into trouble in a week”*, January, 2019, <https://www.scmp.com/business/banking-finance/article/2180731/chinas-p2p-lending-crisis-worsens-second-firm-runs-trouble>.
5. World Bank Group (2020), *“How Regulators Respond to Fintech Evaluating the Different Approaches - Sandboxes and Beyond”*, Finance, Competitiveness & Innovation Global Practice, Fintech Note | No. 5.